TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-12-2021 V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Kiều.

2. Ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2021 về việc "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/10/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 226/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/11/2021 và Thông báo (Về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa sơ thẩm), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Thùy L, sinh năm x

Địa chỉ: Số a, ấp b, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Huỳnh Hoàng G, sinh năm y

Địa chỉ: Số d, ấp e, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt, anh G vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 19 ngày 09/5/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do anh G không chí thú làm ăn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đó cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc, từ cuối năm 2019 chị L về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, thời gian xa nhau vợ chồng vẫn không hàn gắn tình cảm được.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng S, sinh ngày z. Hiện nay con chung đang sống với anh G. Sau khi ly hôn chị L đồng ý để anh G được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Huỳnh Hoàng G đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh G không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con; bị đơn có địa chỉ tại xã M, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Hoàng G, anh G có mặt tại nơi cư trú nhưng anh G vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị L và anh G được xác lập trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Ngãi, thành phố Cao Lãnh vào ngày 09/5/2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh G phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm được. Tại phiên tòa, chị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh G, anh G không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án và tại phiên tòa anh G cũng không có mặt để trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh G có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống xa nhau thời gian dài từ năm 2019 đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị L được ly hôn với anh G.

[3] Xét con chung: Chị Lê Thị Thùy L và anh Huỳnh Hoàng G có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng S, sinh ngày z hiện nay con chung đang sống với anh G. Sau khi ly hôn chị L đồng ý để anh G được tiếp tục nuôi con chung. Anh G không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi sinh ra cháu Sơn đã sống chung với anh G và chị L tại nhà của ông bà nội, có cuộc sống ổn định và nguyện vọng của cháu Sơn là muốn được tiếp tục sống cùng anh G nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng, anh G được tiếp tục nuôi con chung Huỳnh Hoàng S là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Chị L không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung. Anh G vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Huỳnh Hoàng G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thùy L, chị L được ly hôn với anh Huỳnh Hoàng G.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc giao con chung cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, anh G được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Hoàng S, sinh ngày z, hiện con chung đang sống với anh G.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015542 ngày 08/6/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Hoàng G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Nữ Thu Hân